

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Kèm theo Quyết định số 776/QĐ-CDCT, ngày 16 tháng 10 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM)

Tên ngành: QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN

Mã ngành: 6810201

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp phổ thông trung học

Thời gian đào tạo: 3 năm

1. Mục tiêu đào tạo.

1.1. Mục tiêu chung.

Cử nhân ngành quản trị khách sạn được trang bị kiến thức về quản trị khách sạn, nghiệp vụ lễ tân, nghiệp vụ buồng, kỹ thuật phục vụ bàn, kỹ thuật pha chế đồ uống, quản trị lễ tân, quản trị buồng phòng, quản trị marketing, quản trị tổ chức sự kiện, quản trị cơ sở vật chất, quản trị tài chính nhà hàng khách sạn, quản trị ẩm thực, quản trị nhân sự nhà hàng khách sạn, khởi nghiệp tạo doanh nghiệp, quản trị bán hàng và chăm sóc khách hàng và các kiến thức bổ trợ như: quản trị thương hiệu, quản trị hành chánh văn phòng, quản trị dịch vụ khách sạn, soạn thảo văn bản, marketing dịch vụ, quản trị học và văn hóa ẩm thực.

Cử nhân theo học chuyên ngành quản trị kinh doanh xuất nhập khẩu sẽ đáp ứng được các yêu cầu về ngoại ngữ bậc 2/6, đạt trình độ Anh ngữ A2 trở lên hoặc tương đương: IELTS 3.5, TOEIC 300 (TOEIC đạt chuẩn 02 kỹ năng: Đọc và Nghe), TOEFL iBT 40, APTIS A2 hoặc N5 tiếng Nhật; đọc hiểu và dịch được một số tài liệu Tiếng Anh chuyên ngành khách sạn; học tập, nghiên cứu ứng dụng được những kỹ năng tin học cơ bản phục vụ trong công việc. Ngoài ra, chương trình đào tạo còn định hướng cho sinh viên phát triển các kỹ năng mềm cần thiết để có thể thích ứng nhanh và hiệu quả với các nhiệm vụ có tính chất khác nhau trong công việc thực tế.

1.2. Mục tiêu cụ thể.

1.2.1. Về Kiến thức.

Anh ngữ đạt trình độ A2 trở lên (hoặc các chứng nhận khác tương đương) hoặc N5 đối với Nhật ngữ.

Tin học đạt kỹ năng ứng dụng căn bản trở lên hoặc có chứng chỉ MOS 1 trong 2 kỹ năng (Word, Excel).

Có kiến thức về giáo dục thể chất để duy trì và rèn luyện sức khỏe; kiến thức cơ bản về chính trị, pháp luật, an ninh quốc phòng; vận dụng kiến thức khoa học cơ bản vào lĩnh vực chuyên ngành.

Trình bày được các quy trình nghiệp vụ lễ tân như: quy trình nhận đặt phòng trước, check in, phục vụ khách lưu trú, check out, thanh toán, giải quyết phàn nàn của khách.

Trình bày được các quy trình nghiệp vụ buồng phòng như: quy trình vệ sinh phòng ngủ, vệ sinh khu vực công cộng, giặt là, giải quyết than phiền của khách hàng.

Trình bày được kỹ thuật phục vụ bàn như: quy trình vệ sinh thiết bị dụng cụ, bày bàn ăn, ghi yêu cầu của khách, phục vụ thức uống, phục vụ món ăn, thu dọn, thanh toán và tiễn khách.

Mô tả được kỹ thuật pha chế đồ uống như: kiểm kê hàng tồn kho, xuất nhập nguyên liệu, pha chế các loại thức uống, xử lý phát sinh trong pha chế đồ uống.

Phân tích được các công việc quản trị lễ tân như: lập kế hoạch, tổ chức, điều hành, kiểm tra đánh giá hoạt động lễ tân.

Phân tích được các công việc quản trị buồng như: lập kế hoạch, tổ chức, điều hành, kiểm tra đánh giá hoạt động bộ phận buồng.

Phân tích được các công việc quản trị tổ chức sự kiện như: lập kế hoạch, tổ chức, điều hành, kiểm tra đánh giá tổ chức sự kiện.

Phân tích được các công việc thuộc quản trị nhà hàng như: lập kế hoạch, tổ chức, điều hành, kiểm tra đánh giá hoạt động nhà hàng.

Phân tích được các công việc thuộc quản trị bán hàng và chăm sóc khách hàng như: hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm soát và chăm sóc khách hàng trong khách sạn.

Phân tích được các công việc thuộc quản trị ẩm thực như: hoạch định, tổ chức, điều hành, kiểm tra đánh giá hoạt động kinh doanh ẩm thực.

Phân tích được các công việc quản trị dịch vụ trong khách sạn như: lập kế hoạch, tổ chức, điều hành, kiểm tra đánh giá về an ninh, về đội xe, về quản lý tổ chức sự kiện và các dịch vụ khác.

1.2.2. Về Kỹ năng.

Đọc được các văn bản chuyên ngành và giao tiếp được tiếng Anh/Nhật tương đương bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ quốc gia.

Sử dụng thành thạo các phần mềm văn phòng để phục vụ công việc; Sử dụng thành thạo công cụ mạng Internet, email trong tìm kiếm, trao đổi thông tin.

Vận dụng được các kỹ năng mềm trong thực hiện công việc và giải quyết vấn đề thực tiễn.

Thực hiện được các quy trình nghiệp vụ lễ tân như: quy trình nhận đặt phòng trước, check in, phục vụ khách lưu trú, check out, thanh toán, giải quyết phàn nàn của khách.

Thực hiện được các quy trình nghiệp vụ buồng phòng như: quy trình vệ sinh phòng ngủ, vệ sinh khu vực công cộng, giặt là, giải quyết than phiền.

Thực hiện được kỹ thuật phục vụ bàn như: quy trình vệ sinh thiết bị dụng cụ, bày bàn ăn, ghi yêu cầu của khách, phục vụ thức uống, phục vụ món ăn, thu dọn, thanh toán và tiễn khách.

Thực hiện được kỹ thuật pha chế đồ uống như: kiểm kê hàng tồn kho, xuất nhập nguyên liệu, pha chế các loại cocktail, xử lý phát sinh trong pha chế đồ uống.

Vận dụng được việc lập kế hoạch, tổ chức, điều hành, kiểm tra đánh giá vào quản trị lễ tân.

Vận dụng được việc lập kế hoạch, tổ chức, điều hành, kiểm tra đánh giá vào quản trị buồng phòng.

Vận dụng được việc lập kế hoạch, tổ chức, điều hành, kiểm tra đánh giá vào quản trị tổ chức sự kiện.

Vận dụng được việc hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm soát và chăm sóc khách hàng vào quản trị bán hàng và chăm sóc khách hàng.

Vận dụng được việc hoạch định, tổ chức, điều hành và giám sát, kiểm tra đánh giá vào quản trị ẩm thực.

Vận dụng được việc lập kế hoạch, tổ chức, điều hành, kiểm tra đánh giá về an ninh, về đội xe, về quản lý tổ chức sự kiện vào quản trị dịch vụ trong khách sạn.

1.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm.

Chịu khó học hỏi rèn luyện kỹ năng chuyên môn về nghiệp vụ lễ tân, buồng phòng, pha chế, phục vụ bàn để thực hiện công việc.

Có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, sẵn sàng phục vụ khách hàng nhiệt tình và chu đáo.

Tự chủ về hành vi của mình trong thực hiện công việc lễ tân, buồng phòng, pha chế, phục vụ bàn và các công việc liên quan.

Tự chịu trách nhiệm các công việc do mình đảm nhận với cấp trên.

1.2.4. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp.

1.2.5. Sau khi tốt nghiệp, người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu và vị trí công việc như:

- Nhân viên lễ tân, nhân viên nhận đặt phòng trong khách sạn quốc tế
- Chuyên viên kinh doanh, marketing trong lĩnh vực khách sạn quốc tế
- Kỹ thuật viên buồng phòng, bar, nhà hàng trong khách sạn quốc tế
- Chuyên viên phòng nhân sự của khách sạn, đảm nhiệm vị trí, tuyển dụng và đào tạo nhân viên.
- Chuyên viên công ty Du lịch, điều phối, đặt phòng, quản lý hợp đồng mua bán phòng giữa công ty với các khách sạn đối tác.
- Tổ trưởng, trưởng nhóm, quản lý các bộ phận trong doanh nghiệp khách sạn quốc tế.
- Quản lý tổ chức yến tiệc, hội nghị, hội thảo, sự kiện trong các cơ sở lưu trú.
- Trưởng phòng, phó phòng kinh doanh tiếp thị thuộc lĩnh vực khách sạn, resort.
- Chuyên viên tư vấn, điều hành tại các chuỗi khách sạn.
- Chủ doanh nghiệp khách sạn, cơ sở lưu trú.

1.2.6. Khả năng học tập nâng cao trình độ.

Sau khi tốt nghiệp người học có khả năng tự học, tự cập nhật kiến thức chuyên môn trong lĩnh vực khách sạn để nâng cao tay nghề hoặc tự học các kiến thức, kỹ năng chuyên môn khác để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Sau khi tốt nghiệp người học có thể tiếp tục học liên thông lên trình độ đại học trong hệ thống giáo dục của Việt nam, hoặc các ngành liên quan như quản trị nhà hàng, quản trị du lịch lữ hành, quản trị kinh doanh.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học.

- Số lượng môn học: 37 môn.
- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 90 tín chỉ (không tính môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh).
- Khối lượng các môn học chung, đại cương: 19 tín chỉ.

- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 71 tín chỉ.

3. Nội dung chương trình.

Mã MH/MĐ	Tên môn học, học phần	Số tín chỉ	Thời gian (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	TH/ thực tập/ BT/	Thi/ Kiểm tra
I	Các môn học chung	19	315	128	169	18
223008	Giáo dục chính trị	5	75	41	29	5
226020	Pháp luật	2	30	18	10	2
229126	Tin học	3	75	15	58	2
224003	Anh văn 1/ Tiếng Nhật 1	3	45	18	24	3
200001						
224004	Anh văn 2/ Tiếng Nhật 2	3	45	18	24	3
200002						
224016	Anh văn 3. Tiếng Nhật 3	3	45	18	24	3
200003						
234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5	75	36	35	4
Môn học Giáo dục thể chất 1 tự chọn		2	30	4	24	2
234002	Bóng chuyền 1	2	30	4	24	2
234006	Bóng đá 1	2	30	4	24	2
234007	Bóng rổ 1	2	30	4	24	2
234008	Cầu lông 1	2	30	4	24	2
234009	Aerobic 1	2	30	4	24	2
Môn học Giáo dục thể chất 2 tự chọn		2	30	4	24	2
234003	Bóng chuyền 2	2	30	4	24	2
234010	Bóng đá 2	2	30	4	24	2
234011	Bóng rổ 2	2	30	4	24	2
234013	Cầu lông 2	2	30	4	24	2
234014	Aerobic 2	2	30	4	24	2
II	Các môn học chuyên môn ngành	71	1515	441	1002	71
II.1	Môn học cơ sở	17	255	126	111	18
Môn học cơ sở bắt buộc		13	195	96	85	14
226176	Tổng quan kinh doanh NH-KS	3	45	30	12	3
226119	Pháp luật du lịch	2	30	15	13	2
226026	Quản trị học	2	30	15	13	2
226159	Marketing dịch vụ	2	30	15	13	2
226118	Văn hóa ẩm thực	2	30	15	13	2
Kỹ năng mềm (Chọn 1 trong 3 kỹ năng sau)		2	30	6	21	3

222039	Kỹ năng mềm 1	2	30	6	21	3
222040	Kỹ năng mềm 2	2	30	6	21	3
222041	Kỹ năng mềm 3	2	30	6	21	3
Môn học cơ sở tự chọn (chọn 2 trong 4 môn sau)		4	60	30	26	4
226018	Nghệ thuật lãnh đạo	2	30	15	13	2
226036	Tâm lý học đại cương	2	30	15	13	2
226025	Quản trị hành chính văn phòng	2	30	15	13	2
226035	Soạn thảo văn bản	2	30	15	13	2
II.2	Môn học chuyên môn	42	930	255	633	41
226187	Tâm lý du khách	2	30	15	13	2
226192	Tin học ứng dụng trong NH-KS	2	60	0	58	2
226194	Nghiệp vụ lễ tân	3	75	15	57	3
226188	Kỹ thuật phục vụ bàn	3	75	15	57	3
226195	Nghiệp vụ buồng	3	75	15	57	3
226189	Kỹ thuật pha chế đồ uống	3	75	15	57	3
226282	Quản trị tài chính NH-KS	2	30	15	13	2
226283	Quản trị nhân sự nhà hàng khách sạn	2	30	15	13	2
226184	Khởi tạo doanh nghiệp	2	30	15	13	2
226028	Quản trị marketing	2	30	15	13	2
226151	Quản trị lễ tân	3	45	30	12	3
226265	Quản trị buồng phòng	3	45	30	12	3
226264	Thực tế doanh nghiệp KS	2	30	15	13	1
226139	Quản trị ẩm thực	3	45	30	12	3
	Quản trị sự kiện	2	30	15	13	2
226152	Thực tập tốt nghiệp quản trị khách sạn	5	225	0	220	5
II.3	Khóa luận tốt nghiệp (Chọn 1 trong 2 tự chọn sau)	5	225	0	220	5
Chọn 1						
226150	Khóa luận tốt nghiệp QTKS	5	225	0	220	5
Chọn 2						
226267	Quản trị du lịch MICE	2	30	15	13	2
226190	Quản trị bán hàng và chăm sóc khách hàng	3	45	30	12	3
II.4	Ngoại ngữ chuyên ngành tự chọn	3	45	30	12	3
226144	Tiếng Anh chuyên ngành khách sạn	3	45	30	12	3
200008	Tiếng Nhật 4	3	45	30	12	3
II.5	Môn học chuyên môn tự chọn	4	60	30	26	4
226266	Quản trị dịch vụ khách sạn	2	30	15	13	2
226034	Quản trị thương hiệu	2	30	15	13	2
226022	Quản trị chất lượng (QT)	2	30	15	13	2

226041	Tâm lý kinh doanh	2	30	15	13	2
226031	Quản trị rủi ro	2	30	15	13	2
226101	Đàm phán trong kinh doanh	2	30	15	13	2
TỔNG CỘNG		90	1830	569	1171	89

4. Kế hoạch giảng dạy (dự kiến).

TT	Mã học phần	Tên môn học, học phần	Số tín chỉ	Thời gian (giờ)			
				Tổng số	Trong đó		
					Lý thuyết	TH/ thực tập/ BT/ thảo luận	Thi/ Kiểm tra
Học kỳ 1: 14 Tín chỉ (không tính môn học GDQP và AN)							
Môn học bắt buộc			15	255	111	131	13
1	226020	Pháp luật	2	30	18	10	2
2	229126	Tin học	3	75	15	58	2
3	224003/200001	Anh văn 1/Tiếng Nhật 1	3	45	18	24	3
4	226026	Quản trị học	2	30	15	13	2
5	226159	Marketing dịch vụ	2	30	15	13	2
6	226176	Tổng quan kinh doanh NH-KS	3	45	30	13	2
7	234012	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	5	75	36	35	4
Học kỳ 2: 17 Tín chỉ (không tính môn học GDTC)							
Môn học bắt buộc			17	285	117	149	17
8	224004/200002	Anh văn 2/Tiếng Nhật 2	3	45	18	24	3
9	226119	Pháp luật du lịch	2	30	15	13	2
10	226118	Văn hóa ẩm thực	2	30	15	13	2
11	226194	Nghiệp vụ lễ tân	3	75	15	57	3
12	223008	Giáo dục chính trị	5	75	41	29	5
13	226264	Thực tế doanh nghiệp KS	2	30	13	13	2
Môn học Giáo dục thể chất 1 tự chọn			2				
14.1	234002	Bóng chuyền 1	2	30	4	24	2
14.2	234006	Bóng đá 1	2	30	4	24	2
14.3	234007	Bóng rổ 1	2	30	4	24	2
14.4	234008	Cầu lông 1	2	30	4	24	2
14.5	234009	Aerobic 1	2	30	4	24	2
Học kỳ 3: 17 Tín chỉ (không tính môn học GDTC)							

Môn học bắt buộc			13	225	93	119	13
15	224016/ 200003	Anh văn 3/ Tiếng Nhật 3	3	45	18	24	3
16	226151	Quản trị lễ tân	3	45	30	12	3
17	226187	Tâm lý du khách	2	30	15	13	2
18	226197	Quản trị tài chính NH-KS	2	30	15	13	2
19	226195	Nghiệp vụ buồng	3	75	15	57	3
Môn học Giáo dục thể chất 2 tự chọn			2				
20.1	234003	Bóng chuyền 2	2	30	4	24	2
20.2	234010	Bóng đá 2	2	30	4	24	2
20.3	234011	Bóng rổ 2	2	30	4	24	2
20.4	234013	Cầu lông 2	2	30	4	24	2
20.5	234014	Aerobic 2	2	30	4	24	2
Môn học chuyên môn tự chọn			4	60	30	26	4
(Chọn 1 trong 2 môn học sau)			2				
21.1	226035	Soạn thảo văn bản	2	30	10	18	2
21.2	226018	Nghệ thuật lãnh đạo	2	30	15	13	2
(Chọn 1 trong 2 môn học sau)			2				
22.1	226036	Tâm lý học đại cương	2	30	15	13	2
22.2	226025	Quản trị hành chính văn phòng	2	30	15	13	2
Học kỳ 4: 18 Tín chỉ							
Môn học bắt buộc			16	300	111	172	17
23	226144/ 200008	Tiếng anh chuyên ngành khách sạn/Tiếng Nhật 4	3	45	30	12	3
24	226265	Quản trị buồng	3	45	30	12	3
25	226188	Kỹ thuật phục vụ bàn	3	75	15	57	3
26	226139	Quản trị ẩm thực	3	45	30	12	3
27	226192	Tin học ứng dụng trong NH-KS	2	60	0	58	2
28	Kỹ năng mềm (chọn 1 trong 3 kỹ năng sau)		2	30	6	21	3
28.1	222039	Kỹ năng mềm 1	2	30	6	21	3
28.2	222040	Kỹ năng mềm 2	2	30	6	21	3
28.3	222041	Kỹ năng mềm 3	2	30	6	21	3
Môn học chuyên môn tự chọn			2	30	15	13	2
29.1	226041	Tâm lý kinh doanh	2	30	15	13	2
29.2	226031	Quản trị rủi ro	2	30	15	13	2
29.3	226101	Đàm phán trong kinh doanh	2	30	15	13	2
Học kỳ 5: 17 Tín chỉ							

Môn học bắt buộc			14	390	60	316	14
30	226189	Kỹ thuật pha chế đồ uống	3	75	15	57	3
31		Quản trị sự kiện	2	30	15	13	2
32	226199	Quản trị nhân sự nhà hàng khách sạn	2	30	15	13	2
33	226028	Quản trị marketing	2	30	15	13	2
34	226152	Thực tập tốt nghiệp (QTKS)	5	225	0	220	5
Môn học chuyên môn tự chọn			2	30	15	13	2
35.1	226266	Quản trị dịch vụ khách sạn	2	30	15	13	2
35.2	226034	Quản trị thương hiệu	2	30	15	13	2
35.3	226022	Quản trị chất lượng (QT)	2	30	15	13	2
Học kỳ 6: 7 Tín chỉ							
Môn học bắt buộc			2	30	15	13	2
36	226184	Khởi tạo doanh nghiệp	2	30	15	13	2
Môn học tự chọn			5	225	0	220	5
37.1	226150	Khóa luận tốt nghiệp (QTKS)	5	225	0	220	5
<i>Môn học thay thế Khóa luận tốt nghiệp</i>							
37.2	226267	Quản trị du lịch MICE	2	30	15	13	2
37.3	226190	Quản trị bán hàng và chăm sóc khách hàng	3	45	30	12	3

5. Hướng dẫn sử dụng chương trình.

5.1 Hướng dẫn chung.

- Sinh viên có thể lựa chọn 1 trong 2 ngoại ngữ Tiếng Anh hoặc Tiếng Nhật. Nếu lựa chọn Tiếng Anh, sinh viên bắt buộc phải học tất cả các môn Tiếng Anh 1, 2, 3 và Tiếng Anh chuyên ngành. Nếu lựa chọn Tiếng Nhật, sinh viên bắt buộc phải học tất cả các môn Tiếng Nhật 1, 2, 3, 4. (*Lưu ý: Sinh viên đang học ngoại ngữ này, muốn chuyển sang học ngoại ngữ khác phải học lại từ đầu; sinh viên có quyền học song song 1 lúc 2 ngoại ngữ*).
- Về môn học kỹ năng mềm, chương trình môn học sẽ được thiết kế làm 3 kỹ năng mềm (1,2,3), mỗi sinh viên bắt buộc phải học ít nhất 1 kỹ năng (tương đương 2 tín chỉ = 30 tiết), nội dung các kỹ năng như sau:

Kỹ năng mềm 1: Học 3 kỹ năng sau:

- + Kỹ năng khám phá và phát triển bản thân.
- + Kỹ năng thuyết trình.
- + Kỹ năng giao tiếp tại nơi làm việc.

Kỹ năng mềm 2: Học 3 kỹ năng sau:

- + Kỹ năng khám phá và phát triển bản thân.
- + Kỹ năng giải quyết vấn đề.
- + Kỹ năng thuyết trình.

Kỹ năng mềm 3: Học 3 kỹ năng sau:

- + Kỹ năng khám phá và phát triển bản thân.
- + Kỹ năng làm việc nhóm.
- + Kỹ năng dự tuyển việc làm.
- Môn Giáo dục thể chất, sinh viên có thể chọn học 2 trong 5 môn học: bóng chuyền, bóng đá, bóng rổ, cầu lông, aerobic. Sinh viên không được chọn 2 môn khác nhau tính chất trong GDTC1 1 và GDTC2 (ví dụ: không được chọn bóng chuyền 1 cho GDTC1 và bóng đá 2 cho GDTC2).
- Các môn Thực tế doanh nghiệp KS, nghiệp vụ buồng, kỹ thuật phục vụ bàn, quản trị tổ chức sự kiện, quản trị buồng phòng, được học tại doanh nghiệp, tùy vào mỗi thời điểm và điều kiện doanh nghiệp mà nhà trường sắp xếp môn học khác nhau.
- Các môn có thể học online là các môn học lý thuyết
- Các môn có thể vừa học tại doanh nghiệp vừa học tại trường: Nghiệp vụ lễ tân, kỹ thuật pha chế đồ uống, quản trị lễ tân, QT Marketing, QT nhân sự nhà hàng khách sạn, QT ẩm thực.
- Môn thực tập tốt nghiệp được học tại doanh nghiệp trong thời gian 2 tháng. (Có thể thực hiện ở học kỳ 5 hoặc 6) sau khi đã học xong các môn trong học kỳ 4.
- Môn thay thế khóa luận tốt nghiệp có thể thực hiện ở học kỳ 5 hoặc 6 sau khi đã hoàn thành tất cả các môn học và đạt từ 5.0 điểm trở lên.

5.2 Thi kết thúc môn học.

- Các môn học, tùy vào tính chất mà được tổ chức trải cả học kỳ hoặc ½ học kỳ. Khi kết thúc môn, Nhà trường tổ chức kỳ thi kết thúc môn học cho các sinh viên đảm bảo đủ điều kiện tham dự thi kết thúc môn học căn cứ theo chương trình mỗi môn học quy định. Trường chỉ tổ chức một kỳ thi, không có kỳ thi lại.
- Trường thực hiện đánh giá kết quả học tập của sinh viên theo thang điểm 10.
- Điểm tích lũy là điểm của mỗi môn học có kết quả từ 5,0 điểm trở lên.
- Hình thức thi kết thúc môn học: Viết, vấn đáp, trắc nghiệm, thực hành, bài tập lớn, tiểu luận, bảo vệ kết quả thực tập chuyên đề hoặc kết hợp giữa các hình thức trên được quy định trong chương trình môn học. Sinh viên cần tham khảo chương trình môn học trước khi đăng ký các môn cho mỗi học kỳ.
- Thời gian thi kết thúc môn học tùy theo tính chất môn học. Thông thường thi trắc nghiệm và thi viết có thời gian thi từ 90 phút đến 120 phút.

5.3 Xét và công nhận tốt nghiệp.

Sinh viên được xét tốt nghiệp khi đạt được tất cả các điều kiện sau:

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- Tích lũy đủ số môn học trong chương trình đào tạo quy định từ đầu khóa học;

- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 5,00 trở lên;
- Đã đạt các môn học Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất;
- Có chứng chỉ Ngoại ngữ và Tin học theo chuẩn đầu ra quy định.

Lưu ý: Các điều kiện về chứng chỉ tin học và ngoại ngữ được quy định cụ thể tại website Trường www.hitu.edu.vn

5.4 Các chú ý khác.

5.4.1 Các đơn vị thực thi chương trình đào tạo

Các đơn vị thực hiện theo chức năng và nhiệm vụ được quy định trong quy chế của trường. Các vấn đề cần chú ý thực hiện bao gồm:

- Tập huấn triển khai thực hiện chương trình nhằm đảm bảo cho cả người dạy, người học và nhà quản lý hiểu đúng, đầy đủ nội dung chương trình để thống nhất thực hiện. Các đơn vị lập kế hoạch để triển khai chuẩn bị và tổ chức dạy học.
- Tổ chức khai giảng; bế giảng; đánh giá các điều kiện trước khoá học để có cơ sở đánh giá chương trình sau này.
- Giám sát, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện chương trình đào tạo đảm bảo chương trình được thực hiện theo các điều kiện, yêu cầu đã đề ra.
- Sơ kết, đánh giá chương trình dạy học từng năm và kết thúc khóa học để thực hiện các hoạt động sửa đổi, điều chỉnh chương trình và các tài liệu dạy học. Quản lý mục tiêu đào tạo, kiểm soát chất lượng nhằm đạt mục tiêu ban đầu của chương trình.
- Cách tổ chức lớp học: Lý thuyết, thực hành, cộng đồng, thực tế ... được cụ thể về địa điểm tổ chức học tập, điều kiện thực hiện môn học đã ghi rõ trong chương trình môn học. Các đơn vị liên quan cần thực hiện chuẩn bị tất cả các yêu cầu của môn học để triển khai chương trình đào tạo này.

5.4.2 Giảng viên, cố vấn học tập

- Giảng viên giảng dạy các môn học lý thuyết và thực hành đảm bảo tiêu chuẩn quy định do Bộ LĐTĐ ban hành.
- Giảng viên chuyên ngành, cố vấn học tập cần thấu hiểu cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo trước khi đảm nhiệm thực thi chương trình.
- Quản lý kế hoạch dạy-học: Mỗi giảng viên khi lên lớp đều phải có kế hoạch dạy-học. Kế hoạch dạy-học được biên soạn trên cơ sở chương trình môn học. Kế hoạch dạy học là văn bản pháp lý đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên. Kế hoạch dạy-học cần thường xuyên cập nhật thông tin mới, sinh động.
- Giảng viên cung cấp thông tin cho sinh viên về chương trình môn học, phương pháp tổ chức giảng dạy, cách thức đánh giá kết quả môn học trước khi giảng dạy.
- Giảng viên đánh giá chương trình môn học, tính tương thích của môn học với chương trình đào tạo, các điều kiện thực hiện và chất lượng môn học khi kết thúc môn học theo kế hoạch đánh giá chương trình của khoa/trường.
- Cố vấn học tập cung cấp hướng dẫn cho sinh viên mục tiêu chương trình, sơ đồ cây chương trình, điều kiện tốt nghiệp và các vấn đề liên quan trong thời gian thực hiện khóa học. Ngoài ra, Cố vấn học tập cần thực hiện những vấn đề liên quan chương trình có chỉ rõ trong Sổ tay cố vấn học tập.

- Cố vấn học tập cần tổ chức các cuộc họp định hướng cho sinh viên trước khi thực hiện chương trình và khóa học.

5.4.3 Sinh viên

- Sinh viên cần tham dự tất cả các cuộc họp với Cố vấn học tập theo quy định của Trường.
- Ngoài các buổi họp với Cố vấn học tập, sinh viên cần đọc kỹ chương trình đào tạo mà đặc biệt là mục tiêu và cây chương trình. Các thông tin về chương trình, cách thức giải quyết các sự vụ trong khóa học được chỉ ra trong Sổ tay sinh viên.
- Nhà trường cho phép sinh viên đăng ký một số tín chỉ các môn tự chọn trong chuyên ngành hoặc ngoài chuyên ngành. Tuy nhiên, những môn ngoài chuyên ngành (không có trong chương trình) sẽ không được tính điểm trung bình của khóa học mà chỉ thể hiện trên bảng điểm.
- Sinh viên sẽ không được rút khỏi các môn học đã đăng ký ngoài thời hạn nhà trường cho phép. Trong trường hợp đặc biệt, phải có ý kiến của Cố vấn học tập.
- Sinh viên phải thực hiện các bài tập, bài viết, ... theo quy định trong chương trình môn học khi học các môn học đã đăng ký. Thời lượng tham dự học lý thuyết trên lớp/phòng thực hành do từng môn học quy định trong chương trình môn học.
- Trong trường hợp điểm trung bình học kỳ/khóa học thấp hơn quy định, sinh viên sẽ bị đình chỉ khóa học (sinh viên cần tham khảo cụ thể quy định trong Sổ tay sinh viên).
- Tính liêm chính trong học thuật: Bất kỳ hành vi sai trái nào trong học tập, bao gồm gian lận, bịa đặt, đạo văn, can thiệp, vi phạm các quy tắc của khóa học hoặc tạo điều kiện cho sự thiếu trung thực trong học tập, sẽ được Trường xử lý và kỷ luật.
- Khi đã tích lũy đủ điều kiện tốt nghiệp, sinh viên hãy nộp đơn đề nghị xét tốt nghiệp cho dù sớm hơn thời gian quy định của khóa học.

Trưởng khoa

Võ Minh Sơn